

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày tháng năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là cán bộ) làm việc trong hệ thống chính trị của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cán bộ được cử đi đào tạo sau đại học, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ tiêu chuẩn ngạch, chức danh, chức vụ, vị trí việc làm và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh; gắn với việc sử dụng, quản lý cán bộ; đề cao ý thức tự học.

2. Cán bộ được cử đi đào tạo sau đại học phải cam kết phục vụ gấp 3 lần thời gian đào tạo; không cử đi đào tạo, bồi dưỡng 2 lớp cùng một thời điểm; không được

hưởng chính sách hỗ trợ nếu không tốt nghiệp hoặc kéo dài thời gian học (trừ trường hợp bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh, như: do ốm đau phải chữa bệnh dài ngày).

3. Trường hợp đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ KHUYẾN KHÍCH TỰ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Điều 4. Điều kiện đào tạo sau đại học

1. Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và có ít nhất 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và cam kết phục vụ tại tỉnh gấp 3 lần thời gian đào tạo.

2. Không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu;

3. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

Điều 5. Điều kiện được hưởng hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Cán bộ được cử đi đào tạo sau đại học theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

2. Việc cử đi bồi dưỡng theo quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ

1. Cán bộ được cử đi đào tạo sau đại học, bồi dưỡng ở trong nước, ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có), còn được hỗ trợ các khoản từ nguồn ngân sách của tỉnh, cụ thể:

a) Hỗ trợ đào tạo sau đại học

Cán bộ sau khi tốt nghiệp đúng thời hạn đào tạo được hỗ trợ theo các mức sau:

- Trình độ thạc sĩ và tương đương: 300 triệu đồng.

- Trình độ tiến sĩ và tương đương: 400 triệu đồng;

b) Hỗ trợ đào tạo lý luận chính trị:

- Trung cấp lý luận chính trị: 30 triệu đồng/người/khóa học.

- Cao cấp lý luận chính trị: 45 triệu đồng/người/khóa học.

Trường hợp không tốt nghiệp đúng thời hạn hoặc bị kéo dài thời gian tốt nghiệp không do nguyên nhân khách quan (như thiên tai, dịch bệnh hoặc bị bệnh phải điều trị dài ngày) thì không được nhận hỗ trợ.

c) Hỗ trợ bồi dưỡng

- Hỗ trợ tiền ăn: Đối với lớp bồi dưỡng có thời gian học tập trung từ 01 tháng trở lên, mức hỗ trợ 2,2 triệu đồng/người/tháng; đối với lớp bồi dưỡng có thời gian học dưới 01 tháng, mức hỗ trợ 100 ngàn đồng/người/ngày (tính theo số ngày học thực tế);

- Hỗ trợ tiền ở: Đối với lớp bồi dưỡng tại các thành phố trực thuộc Trung ương, mức hỗ trợ 3 triệu đồng/người/tháng; đối với lớp bồi dưỡng tại các tỉnh, thành phố còn lại, mức hỗ trợ 2 triệu đồng/người/tháng;

- Hỗ trợ tiền đi lại: Đối với thành phố từ Đà Nẵng trở ra được hỗ trợ 5 triệu đồng/1 lượt đi về; đối với các tỉnh, thành phố còn lại thanh toán theo thực tế giá vé hoặc hợp đồng dịch vụ nhưng tối đa không quá 3,5 triệu đồng/1 lượt đi về.

2. Cán bộ được cử đi bồi dưỡng ở nước ngoài, ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có), còn được hỗ trợ:

a) Trường hợp bồi dưỡng dưới 10 ngày được hỗ trợ trọn gói: 10 triệu đồng/1 lượt đi về đối với các nước Đông Nam Á, 15 triệu đồng/1 lượt đi về đối với các nước còn lại;

b) Trường hợp bồi dưỡng trên 10 ngày được hỗ trợ trọn gói: 20 triệu đồng/1 lượt đi về đối với các nước Đông Nam Á, 30 triệu đồng/1 lượt đi về đối với các nước còn lại.

3. Chính sách hỗ trợ bổ sung: Ngoài các khoản hỗ trợ tại điểm c khoản 1 Điều này trường hợp cán bộ, công chức, viên chức học tập trung từ 1 tháng trở lên:

a) Hỗ trợ 1 triệu đồng/người/tháng đối với cán bộ nữ người đồng bào dân tộc thiểu số.

b) Hỗ trợ 500 ngàn đồng/người/tháng đối với:

- Cán bộ nữ không là người đồng bào dân tộc thiểu số;

- Cán bộ nam người đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Hỗ trợ 500 ngàn đồng/người/tháng đối với cán bộ nữ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo sau đại học

Cán bộ tự túc đi đào tạo trình độ sau đại học trong nước, ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp (nếu có), Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được cân đối nguồn kinh phí hoạt động trong phạm vi dự toán chi đã giao cho đơn vị nhưng không vượt quá 50% mức hỗ trợ theo **điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị quyết này.**

Điều 8. Đền bù chi phí đào tạo và hoàn trả khuyến khích tự đào tạo

1. Việc đền bù kinh phí đào tạo thực hiện theo quy định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Đối với cán bộ nhận hỗ trợ khuyến khích tự đào tạo sau đại học mà không phục vụ tại tỉnh như cam kết thì phải hoàn trả kinh phí. Cứ mỗi năm công tác được tính giảm 3% chi phí đền bù.

Điều 9. Mức hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên

1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (bao gồm cả thù lao soạn giảng; một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

a) Giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 3 triệu đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương;

Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Giảng viên cao cấp, Tiến sĩ khoa học: 2,5 triệu đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sĩ: 2 triệu đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương; lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị xã hội của tỉnh và tương đương; Bí thư cấp ủy cấp xã và tương đương: 1,5 triệu/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Bí thư cấp ủy cấp xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở, ngành và tương đương; giảng viên chính: 1 triệu đồng/người/buổi.

g) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ tại các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp xã (ngoài các chức danh nêu trên): 700 ngàn đồng/người/buổi.

h) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ tại cấp xã (ngoài các chức danh nêu trên): 500 ngàn đồng/người/buổi.

i) Trợ giảng (nếu có) đối với giảng viên, báo cáo viên là Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh tương đương: 1 triệu đồng/người/buổi.

k) Đối với giảng viên, báo cáo viên thuộc nhiều nhóm đối tượng thì áp dụng mức chi cao nhất.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên

a) 150 ngàn đồng/người/ngày: Áp dụng đối với đối với các tỉnh;

b) 250 ngàn đồng/người/ngày: Áp dụng đối với đối với các thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Phụ cấp tiền phương tiện đi lại và thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên:

Trường hợp chưa được bố trí phương tiện đi lại, chỗ nghỉ, được thanh toán trên hóa đơn thực tế hoặc khoán theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Chi nước uống phục vụ lớp học: 500 ngàn đồng/người/ngày.

4. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 500 ngàn đồng/học viên/khóa.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên: Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp do ngân sách Nhà nước bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên từ 50% trở xuống: Kinh phí thực hiện do ngân sách Nhà nước hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ và từ nguồn thu sự nghiệp 50%.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên, đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên từ 50% trở lên: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng do viên chức tự túc, nguồn hỗ trợ của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn hợp pháp khác bảo đảm (nếu có).

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Triển khai thực hiện Nghị quyết này và ban hành quy trình cử cán bộ đi đào tạo sau đại học.

b) Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo quyết định của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018, Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai đến khi hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ đối với tỉnh Đồng Nai theo quy định.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết

a) Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

c) Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

d) Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa ..., Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH